

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ dân phố 1 (nay là tổ dân phố C), phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố 1 (nay là tổ dân phố C), phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 08-11-2020, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 06-4-2015. Quá trình chung sống, chị và anh D sống không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm

sống. Anh D không chu cấp về kinh tế để lo cho con, cũng không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ngoài ra, anh D còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, đến con cái và người thân. Mặc dù bản thân chị đã tìm biện pháp cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng và được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần song những mâu thuẫn, bất đồng vẫn không được giải quyết. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 28-7-2015. Chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn không hợp tác, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập thể hiện: Quá trình chung sống, chị N và anh D xảy ra mâu thuẫn, bất đồng; mặc dù gia đình hai bên đã phân tích, động viên, tìm nhiều biện pháp giúp chị N và anh D giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị N và anh D đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 và không còn quan tâm đến nhau.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Xuyên, Đồ Sơn ngày 06-4-2015. Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh D xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống; hai bên gia đình đã tác động, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị N và anh D đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020, không quan tâm gì đến nhau. Như vậy, chị N và anh D đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh D đến làm việc, tổ chức phiên hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống chung không còn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh D.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 28-7-2015. Chị N đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; anh D không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét, chị N có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở ổn định, cháu H còn nhỏ, là nữ giới, anh D thường xuyên vắng nhà, không có ý kiến về việc nuôi con nên việc giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển tốt nhất của cháu H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Bảo H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Tiến D cư trú tại tổ dân phố 1 (nay là tổ dân phố Cầu Tre), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 06-4-2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 7-2020, chị N và anh D đã sống ly thân, không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại,

mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Vì vậy, yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 28-7-2015. Từ khi chị N và anh D sống ly thân, cháu H ở với chị N, được chị N chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo. Hiện tại chị N có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, yêu cầu của chị N về việc giao con chung cháu Nguyễn Bảo H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 28-7-2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007158 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai Hương Nguyễn Thị Hồng

Bùi Duy Khoa